

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
KHÓA X KỲ HỌP THỨ NHẤT**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Xét Tờ trình số 1882/TTr-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp lệ phí: Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thu, nộp lệ phí hộ tịch.

Điều 2. Cơ quan thu lệ phí

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Mức thu lệ phí

1. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã

Nội dung thu	Mức thu
a) Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	8.000 đồng
b) Kết hôn (đăng ký lại kết hôn)	30.000 đồng
c) Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	5.000 đồng
d) Nhận cha, mẹ, con	15.000 đồng
đ) Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	15.000 đồng
e) Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	15.000 đồng
g) Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	8.000 đồng

2. Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Nội dung thu	Mức thu
a) Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	75.000 đồng
b) Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	1.500.000 đồng
c) Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	75.000 đồng
d) Giám hộ, chấm dứt giám hộ	75.000 đồng
đ) Nhận cha, mẹ, con	1.000.000 đồng
e) Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	28.000 đồng
g) Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	75.000 đồng
h) Đăng ký hộ tịch khác	75.000 đồng

Điều 4. Những trường hợp miễn lệ phí đăng ký hộ tịch

1. Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo (gồm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương và hộ nghèo của tỉnh); người khuyết tật.

2. Đăng ký khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.

3. Đăng ký hộ tịch cho trẻ em; người cao tuổi; đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Điều 5. Chế độ thu, nộp lệ phí

1. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Khóa X Kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 01 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 11 tháng 7 năm 2021./.

Nơi nhận: *hu*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, VP ĐTBQH và HĐND tỉnh.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Tâm